



Phụ lục 1.
DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRỌNG TÂM TỈNH KHÁNH HÒA NĂM 2026
(theo Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Khánh Hòa năm 2026)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, đánh giá	Ghi chú
1	Tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi của tỉnh	%	100	Văn phòng UBND tỉnh	
2	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận	%	≥ 80	Văn phòng UBND tỉnh	
3	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công	%	≥ 80	Văn phòng UBND tỉnh	
4	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử	%	100	Văn phòng UBND tỉnh	Nguồn Cổng Dịch vụ công quốc gia
5	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công.	%	≥ 90	Văn phòng UBND tỉnh	Nguồn Cổng Dịch vụ công quốc gia
6	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị, địa phương được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	%	100	Sở Nội vụ	
7	Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công	%	≥ 95	Sở Tài chính	Tính đến ngày 31/12/2026
8	Mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu.	Cấp độ	3	Sở Khoa học và	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, đánh giá	Ghi chú
				Công nghệ	
9	Tỷ lệ các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực phục vụ Chính phủ số được đưa vào sử dụng trên địa bàn tỉnh theo đúng kế hoạch	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ	
10	Mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước	%	≥ 90	Sở Nội vụ	Khảo sát
11	Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế	%	≥ 86	Sở Y tế	Khảo sát
12	Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ giáo dục công lập.	%	≥ 86	Sở Giáo dục và Đào tạo	Khảo sát
13	Xếp hạng về các Chỉ số: PAR Index, SIPAS, PAPI, PCI, DTI, PII,...				
13.1	Chỉ số Cải cách hành chính (PAR Index)	Thứ bậc	≤ 13 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Sở Nội vụ	Theo kết quả công bố của Bộ Nội vụ
13.2	Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS)	Thứ bậc	≤ 17 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Sở Nội vụ	Theo kết quả công bố của Bộ Nội vụ
13.3	Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI)	Thứ bậc	≤ 17 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Sở Nội vụ	Theo kết quả công bố của Chương trình Phát triển Liên

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, đánh giá	Ghi chú
					hợp quốc (UNDP)
13.4	Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)	Thứ bậc	≤ 17 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Sở Tài chính	Theo kết quả công bố của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI)
13.5	Chỉ số Chuyển đổi số (DTI)	Thứ bậc	≤ 13 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Sở Khoa học và Công nghệ	Theo kết quả công bố của Bộ Khoa học và Công nghệ
13.6	Chỉ số Đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII)	Thứ bậc	≤ 10 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Sở Khoa học và Công nghệ	Theo kết quả công bố của Bộ Khoa học và Công nghệ